

**TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN - CÔNG TY CỔ PHẦN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán tổng hợp	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	9 - 10
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp	11 - 37



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty cổ phần trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty cổ phần (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) tiền thân là Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty TNHH MTV. Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty TNHH MTV được thành lập theo Quyết định số 66/2003/QĐ/BNN-TCCB ngày 11 tháng 6 năm 2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0113543 ngày 04 tháng 7 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Vốn điều lệ của Tổng Công ty là 400.000.000.000 đồng (*Bốn trăm tỷ đồng*).

Theo Quyết định số 636/QĐ-TTg ngày 13 tháng 5 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Rau quả, Nông sản. Ngày 04/01/2016 Tổng Công ty được chuyển sang hình thức Công ty cổ phần và chính thức đổi tên thành Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0101385740 thay đổi lần 2 ngày 04 tháng 01 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 6 ngày 31 tháng 7 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp là 1.422.939.000.000 đồng (*Một nghìn, bốn trăm hai mươi hai tỷ, chín trăm ba mươi chín triệu đồng*).

Trụ sở chính của Tổng Công ty: Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Văn phòng giao dịch: Tầng 12, tòa nhà Vinafor, 127 Lò Đúc, Phường Đồng Mác, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty trong năm và cho đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Mai Xuân Sơn	Chủ tịch HĐQT
Ông Lưu Nguyễn Chí Nhân	Thành viên
Ông Nguyễn Việt Cường	Thành viên
Ông Lê Anh Dũng	Thành viên
Ông Vũ Đức Trung	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Mạnh Hoàng	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Đinh Thị Hào	Thành viên
Ông Trần Văn Quỳnh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Anh Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Việt Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Anh Kha	Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, ngoài sự kiện nêu tại mục 7.2 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính tổng hợp ;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Lê Anh Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2022

Số: 152/2022/BCKT-CPA VIETNAM-NVI

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty cổ phần

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty cổ phần được lập ngày 30 tháng 3 năm 2022, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2021, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.



Vũ Ngọc Ân
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán 0496-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 01/2022/UQ-CPA VIETNAM ngày 03/01/2022 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc
Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2022

Vũ Anh Tuấn
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán 3011-2022-137-1

CPA
VIETNAM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		3.330.819.320.100	1.639.342.750.001
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	7.721.552.496	80.041.637.347
1. Tiền	111		3.721.552.496	17.041.637.347
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.000.000.000	63.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	5.000.000.000	13.240.087.929
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		5.000.000.000	13.240.087.929
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.249.150.671.892	1.510.936.368.965
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	2.407.935.326.427	932.634.762.331
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.5	41.391.304.993	51.895.799.182
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	850.194.008.674	555.008.198.737
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(50.369.968.202)	(28.602.391.285)
IV. Hàng tồn kho	140	5.7	44.287.102.618	18.451.063.921
1. Hàng tồn kho	141		46.059.409.580	20.948.313.974
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.772.306.962)	(2.497.250.053)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		24.659.993.094	16.673.591.839
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	143.783.627	672.596.879
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		24.516.209.467	15.991.322.064
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.9	-	9.672.896
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+ 240+250+260)	200		1.008.114.245.268	929.320.452.202
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		7.027.000.000	7.440.423.100
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	7.027.000.000	7.440.423.100
II. Tài sản cố định	220		27.121.192.314	31.714.146.896
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	25.066.768.948	29.561.782.272
- Nguyên giá	222		98.858.119.880	96.653.051.698
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(73.791.350.932)	(67.091.269.426)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	2.054.423.366	2.152.364.624
- Nguyên giá	228		3.915.426.876	3.915.426.876
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.861.003.510)	(1.763.062.252)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		314.455.811.007	207.951.208.970
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.12	314.455.811.007	207.951.208.970
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	592.075.703.004	592.075.703.004
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		364.109.145.060	464.099.145.060
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		227.966.557.944	127.976.557.944
VI. Tài sản dài hạn khác	260		67.434.538.943	90.138.970.232
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	67.434.538.943	90.138.970.232
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		4.338.933.565.368	2.568.663.202.203

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		1.756.167.467.081	1.789.481.639.580
I. Nợ ngắn hạn	310		1.315.847.428.530	1.321.802.094.309
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	1.273.028.661.889	1.182.249.205.896
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	26.402.991.910	481.316.580
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.9	2.737.713.509	2.450.740.979
4. Phải trả người lao động	314		595.733.464	1.037.197.487
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	9.016.113.338	1.427.346.598
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	240.103.381	694.075.730
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.14	-	129.440.000.000
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		3.826.111.039	4.022.211.039
II. Nợ dài hạn	330		440.320.038.551	467.679.545.271
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.17	324.522.190.175	426.791.318.317
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.14	115.797.848.376	40.888.226.954
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		2.582.766.098.287	779.181.562.623
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.18	2.582.766.098.287	779.181.562.623
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.422.939.000.000	713.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.422.939.000.000	713.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.063.991.250.000	-
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		95.835.848.287	66.181.562.623
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		66.181.562.623	37.494.931.040
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		29.654.285.664	28.686.631.583
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		4.338.933.565.368	2.568.663.202.203

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Hương

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Linh

Tổng Giám đốc



Lê Anh Dũng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	2.710.008.119.290	3.909.216.234.289
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		147.019.150	94.001.322
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		2.709.861.100.140	3.909.122.232.967
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	2.668.059.404.580	3.894.669.464.850
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		41.801.695.560	14.452.768.117
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	110.272.193.414	263.987.028.602
7. Chi phí tài chính	22	6.4	57.476.179.341	178.422.375.795
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		10.102.156.161	27.049.444.304
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	11.290.119.327	13.535.574.615
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	52.714.836.851	49.140.037.561
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)+24-(25+26)}	30		30.592.753.455	37.341.808.748
11. Thu nhập khác	31	6.6	82.554.629	2.603.011.060
12. Chi phí khác	32	6.6	605.517.912	11.258.188.225
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		(522.963.283)	(8.655.177.165)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		30.069.790.172	28.686.631.583
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	415.504.508	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		29.654.285.664	28.686.631.583
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	284	402

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thu Hương

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Linh

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2022



Tổng Giám đốc

Lê Anh Dũng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		30.069.790.172	28.686.631.583
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		6.874.925.013	6.296.777.173
- Các khoản dự phòng	03		21.042.633.826	2.933.104.696
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	12.762.738
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(70.619.192.622)	(202.208.468.474)
- Chi phí lãi vay	06		10.102.156.161	27.049.444.304
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	(33.617.024.186)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(2.529.687.450)	(170.846.772.166)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.743.422.864.538)	2.637.694.515.429
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(25.111.095.606)	366.587.044.590
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		28.156.265.333	(2.571.761.850.981)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		23.233.244.541	(69.026.128.338)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(10.294.534.243)	(26.857.066.222)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(2.357.467.030)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(1.729.968.671.963)	163.432.275.282
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(108.709.670.219)	(35.533.444.911)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	31.818.182
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(13.011.857.101)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		8.240.087.929	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(42.000.000.000)
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	125.232.198.240
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		37.718.297.980	139.805.251.244
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(62.751.284.310)	174.523.965.654

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP (Tiếp theo)
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		1.773.930.250.000	-
1. Tiền thu từ đi vay	33		75.909.621.422	53.048.226.954
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(129.440.000.000)	(485.520.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1.720.399.871.422	(432.471.773.046)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(72.320.084.851)	(94.515.532.110)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		80.041.637.347	174.569.932.195
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(12.762.738)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60)	70	5.1	7.721.552.496	80.041.637.347

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thu Hương

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Linh



Lê Anh Dũng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty cổ phần tiền thân là Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty TNHH MTV. Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty TNHH MTV được thành lập theo Quyết định số 66/2003/QĐ/BNN-TCCB ngày 11 tháng 6 năm 2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0113543 ngày 04 tháng 7 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Theo Quyết định số 636/QĐ-TTg ngày 13 tháng 5 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Rau quả, Nông sản. Ngày 04/01/2016 Tổng Công ty được chuyển sang hình thức Công ty cổ phần và chính thức đổi tên thành Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0101385740 thay đổi lần 2 ngày 04 tháng 01 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 6 ngày 31 tháng 7 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp là 1.422.939.000.000 đồng (*Một nghìn, bốn trăm hai mươi hai tỷ, chín trăm ba mươi chín triệu đồng*).

Trụ sở chính của Tổng Công ty: Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Văn phòng giao dịch: Tầng 12, tòa nhà Vinafor, 127 Lò Đúc, Phường Đồng Mác, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2021 là 175 (tại ngày 31/12/2020 là 183).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp;
- Sản xuất, kinh doanh giống cây nông nghiệp;
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt, chăn nuôi;
- Trồng rừng và khai thác lâm sản khai thác trừ gỗ;
- Hoạt động dịch vụ nông nghiệp;
- Khai thác, nuôi trồng, sản xuất giống thủy sản;
- Sản xuất, chế biến, bảo quản thực phẩm, đồ uống, thịt, sản phẩm từ thịt, hàng hóa nông sản;
- Sản xuất, kinh doanh, chế biến hàng nông sản;
- Sản xuất sản phẩm từ nhựa, thủy tinh, vật liệu từ đất sét, máy móc nông nghiệp, máy chế biến thực phẩm;
- Dịch vụ lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng máy móc thiết bị;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng rau quả, nông sản phẩm, vật tư thiết bị;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị bưu chính viễn thông và công nghệ thông tin; và Kinh doanh vật liệu, thiết bị, máy móc xây dựng, điện tử viễn thông, tin học, trang thiết bị nội thất, vật tư hóa chất ngành nhựa, ngành in, trang trí nội, ngoại thất (trừ hóa chất Nhà nước cấm).

Hoạt động chính của Tổng Công ty trong năm: Kinh doanh hàng hóa nông sản.

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

**TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN -
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC Ngày
22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

1.4 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính tổng hợp

Từ đầu năm 2021, đại dịch COVID-19 có những ảnh hưởng gần như toàn bộ tới nền kinh tế Việt Nam. Trong bối cảnh hoạt động sản xuất, kinh doanh chịu nhiều tác động do dịch COVID-19, Chính phủ đã và đang có nhiều chính sách nhằm hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua khó khăn. Tuy nhiên, do Tổng Công ty chưa thuộc đối tượng được hỗ trợ theo chính sách của Chính phủ nên Tổng Công ty chưa nhận được các khoản hỗ trợ liên quan.

1.5 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2021, Tổng Công ty có các công ty liên doanh, liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

TT	Tên công ty	Tỷ lệ sở hữu vốn của Tổng Công ty (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Lĩnh vực kinh doanh chính
	Đầu tư vào công ty liên kết			
1	Công ty TNHH Liên doanh TOVECAN	22,64	22,64	Sản xuất vỏ hộp
2	Công ty CP Kinh Doanh và Đầu Tư Việt Hà	36,10	36,10	Đầu tư
3	Công ty CP Xây dựng và Sản xuất Vật liệu xây dựng	36,00	36,00	Xây dựng, vật liệu
4	Công ty CP Thực phẩm và Nước giải khát Donanewtower	32,36	32,36	Sản xuất, Kinh doanh nước giải khát

Các đơn vị trực thuộc

1. Công ty Giống Rau quả Trung Ương - Chi nhánh Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - CTCP
2. Công ty Chế biến Điều và Nông sản Vegetexco

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp

Tổng Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp là có thể so sánh được.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

**TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN -
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC Ngày
22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2012/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp:

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở tổng hợp số liệu của các đơn vị trực thuộc và Báo cáo tài chính của Văn phòng Tổng Công ty, các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Văn phòng Tổng Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả kinh doanh.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính

- (i) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Sài Gòn-Hà Nội tại ngày 31/12/2021.
- (ii) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Sài Gòn-Hà Nội tại ngày 31/12/2021.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

**TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN -
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC Ngày
22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 03 tháng, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, công ty liên kết, các khoản đầu tư khác được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN -
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC Ngày
22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phân ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 50
Máy móc và thiết bị	03
Phương tiện vận tải	03 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 03

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty là:

- Quyền sử dụng đất: Là toàn bộ các chi phí thực tế Tổng Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ...

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 33 năm.

- Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 10 năm.

Tổng Công ty đã đánh giá lại giá trị Tài sản cố định đã hết khấu hao để cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, thời điểm trích khấu hao của các Tài sản cố định được đánh giá lại là thời điểm doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh chuyên thành công ty cổ phần.

**TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN -
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC Ngày
22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng từ 1 đến 2 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tổng Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê từ 23 đến 38 năm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Tổng Công ty bao gồm cả các khoản phải trả gồm cả các khoản phải trả giữa Tổng Công ty và Công ty liên doanh, liên kết.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Tổng Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán chi phí đi vay.

**TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN -
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC Ngày
22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Trong năm, Tổng Công ty phát sinh lãi vay vốn hóa cho dự án “Xây dựng tòa nhà hỗn hợp gồm chung cư, văn phòng và kinh doanh dịch vụ thương mại” - Số 02 phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên, quận Đống Đa, Hà Nội. Theo Hợp đồng vay số KH1-200166/HĐCVDAĐT/VEGETEXCO ngày 22/09/2020 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số SĐ01 - ĐCVDAĐT ngày 23/10/2020.

Trong năm, có 7.789.796.002 đồng (Năm 2020: 622.701.010 đồng) chi phí lãi vay đã được vốn hóa vào Xây dựng cơ bản dở dang của Tổng Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Tổng Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay phải trả: Trích trước theo hợp đồng vay.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Tổng Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, hàng hoá nông sản.

Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

197
TY
H
BÁN
WA
51

**TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN -
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC Ngày
22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong năm.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết và lỗ chênh lệch tỷ giá thực hiện.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Tổng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh rau quả, nông sản và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, Tổng Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

**TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN -
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC Ngày
22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	198.465.463	233.915.749
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.523.087.033	16.807.721.598
Các khoản tương đương tiền (*)	4.000.000.000	63.000.000.000
Tổng	7.721.552.496	80.041.637.347

(*) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng tại Ngân hàng SHB Tây Sơn, lãi suất 3,2%/năm.

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đơn vị tính: VND

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	5.000.000.000	5.000.000.000	13.240.087.929	13.240.087.929
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	5.000.000.000	5.000.000.000	13.240.087.929	13.240.087.929

(*) Khoản tiền gửi kỳ hạn cuối kỳ tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội kỳ hạn 06 tháng, lãi suất 5.3%/năm.



TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN - CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đơn vị tính: VND

	31/12/2021			01/01/2021		
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	364.109.145.060	(*)	-	464.099.145.060	(*)	-
Công ty TNHH Liên doanh TOVECAN	27.719.562.751	-	-	27.719.562.751	-	-
Tổng Công ty Vật Tư Nông Nghiệp - CTCP (VIGECAM)	-	-	-	99.990.000.000	-	-
Công ty CP Kinh Doanh và Đầu Tư Việt Hà	280.356.698.900	-	-	280.356.698.900	-	-
Công ty CP XD và Sản xuất Vật liệu xây dựng.	1.155.755.413	-	-	1.155.755.413	-	-
Công ty CP Thực phẩm và Nước giải khát Donanewtower	54.877.127.996	-	-	54.877.127.996	-	-
	31/12/2021			01/01/2021		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào đơn vị khác	227.966.557.944	(*)	-	127.976.557.944	(*)	-
Công ty TNHH Liên doanh Crown Hà Nội	80.421.436.800	-	-	80.421.436.800	-	-
Công ty CP Xuất nhập khẩu Nông lâm sản Chế biến (i)	2.430.117.352	-	-	2.430.117.352	-	-
Công ty Rau quả tiền Giang	3.125.003.792	-	-	3.125.003.792	-	-
Công ty CP Xuất nhập khẩu hạt điều và Nông sản thực phẩm TP HCM	42.000.000.000	-	-	42.000.000.000	-	-
Tổng Công ty Vật Tư Nông Nghiệp - CTCP (VIGECAM) (ii)	99.990.000.000	-	-	-	-	-
Tổng	592.075.703.004	-	-	592.075.703.004	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

(*) Các khoản đầu tư của Tổng Công ty chưa niêm yết nên chưa xác định được giá trị hợp lý, Chế độ Kế toán Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý dựa trên các phương pháp định giá. Giá trị hợp lý có thể khác với giá ghi sổ.

(i) Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 27/NQ-HĐQT ngày 29/12/2020, Tổng Công ty thoái toàn bộ vốn góp tại Công ty CP Xuất nhập khẩu nông lâm sản chế biến, tuy nhiên đến thời điểm phát hành báo cáo này, Tổng Công ty vẫn chưa thực hiện việc thoái vốn nêu trên.

(ii) Trong năm Tổng Công ty Vật Tư Nông Nghiệp - CTCP (VEGECAM) tăng vốn, Tổng Công ty không mua cổ phần tăng vốn theo Nghị quyết số 19/NQ-HĐQT ngày 24/3/2021, tỷ lệ sở hữu cổ phần Tổng Công ty Vật Tư Nông Nghiệp - CTCP (VEGECAM) của Tổng Công ty giảm từ 45,00% xuống còn 5,69%.

**TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN -
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.3 Phải thu của khách hàng

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	2.407.935.326.427	932.634.762.331
Công ty Cổ phần Điều Organic Bissau	699.545.304.404	587.283.642.000
Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam	-	301.114.071.950
Công ty CP Nông sản BIVC Quốc tế	557.379.181.125	-
Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủ công Mỹ Nghệ	450.382.445.740	-
Công ty CP Kinh doanh và thương mại Thịnh Phát	628.431.279.010	-
Các đối tượng khác	72.197.116.148	44.237.048.381
Tổng	2.407.935.326.427	932.634.762.331

5.4 Phải thu khác

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	850.194.008.674	(4.836.866.632)	555.008.198.737	(4.836.866.632)
Tạm ứng	4.220.498.085	-	2.512.897.056	-
Ký cược, ký quỹ	22.000.000	-	-	-
Phải thu khác	833.447.943.267	-	535.129.005.700	-
<i>Đặng Văn Đông</i>	-	-	11.812.500.000	-
<i>Lưu Nguyễn Chi Nhân</i>	-	-	45.000.000.000	-
<i>Phải thu theo hợp đồng hợp tác kinh doanh với các cá nhân (i)</i>	784.280.711.050	-	478.316.505.700	-
<i>Công ty CP XNK thủ công mỹ nghệ (ii)</i>	20.808.281.563	-	-	-
<i>Công ty CP Kinh doanh và TM Thịnh Phát (ii)</i>	28.358.950.654	-	-	-
Các khoản khác	12.525.567.322	(4.836.866.632)	17.366.295.981	(4.836.866.632)
Dài hạn	7.027.000.000	-	7.440.423.100	-
Ký cược, ký quỹ	7.007.000.000	-	7.117.000.000	-
Các khoản khác	20.000.000	-	323.423.100	-
Tổng	857.221.008.674	(4.836.866.632)	562.448.621.837	(4.836.866.632)
Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan	-	-	45.506.954.916	-

(Chi tiết tại thuyết minh 7.3)

- (i) Khoản phải thu theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh với các cá nhân Theo đó, Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty cổ phần góp toàn bộ, khoản vốn góp sẽ giao cho cá nhân quản lý, có toàn quyền quản lý, sử dụng vốn góp để thực hiện các công việc trong các phương án đầu tư. Thời gian hợp tác dự kiến là 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
- (ii) Khoản phải thu lãi tiền hàng chậm trả.

**TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN -
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.5 Trả trước cho người bán

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Trả trước người bán ngắn hạn	41.391.304.993	51.895.799.182
Gomes & Gomes, S.A	36.880.249.061	36.880.249.061
Công ty CP tư vấn dự án & Giải pháp XD công trình Việt Nam	-	10.569.195.527
Đối tượng khác	4.511.055.932	4.446.354.594
Tổng	41.391.304.993	51.895.799.182

5.6 Nợ xấu

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc</i>	<i>75.457.591.353</i>	<i>25.087.623.151</i>	<i>47.390.352.204</i>	<i>18.787.960.919</i>
Chesapeake Imports LLC	3.748.659.854	-	3.748.659.854	-
Công ty TNHH Thành Yên	588.012.703	-	588.012.703	-
Nhà máy chế biến thực phẩm xuất khẩu Bắc Giang	898.008.849	-	898.008.849	-
Công ty TNHH Hương Anh	479.948.299	-	479.948.299	-
Công ty liên doanh LUECO	1.370.244.949	-	1.370.244.949	-
Công ty CP thực phẩm xuất khẩu Hưng Yên	572.549.294	-	572.549.294	-
Công ty TNHH Việt Nga	478.336.693	-	478.336.693	-
GOMES & GOMES, S.A	36.880.249.061	11.064.074.718	36.880.249.061	18.440.125.061
Công ty CP điều và maccadamia Tốt nhất	27.351.425.149	13.675.712.575	-	-
Đối tượng khác	3.090.156.502	347.835.858	2.374.342.502	347.835.858
Tổng	75.457.591.353	25.087.623.151	47.390.352.204	18.787.960.919

**TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN -
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.7 Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	4.869.674.880	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	19.791.955.728	-	6.020.716.424	-
Công cụ, dụng cụ	1.302.781.349	-	1.285.574.959	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	168.917.856	-	2.295.832.596	-
Thành phẩm	612.810.300	-	9.506.327.897	(2.321.807.056)
Hàng hoá	19.313.269.467	(1.772.306.962)	1.839.862.098	(175.442.997)
Tổng	46.059.409.580	(1.772.306.962)	20.948.313.974	(2.497.250.053)

Trong năm, Tổng Công ty đã hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho 724.943.091 đồng.

5.8 Chi phí trả trước

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	143.783.627	672.596.879
Công cụ, dụng cụ xuất dùng và chi phí khác	-	525.790.903
Chi phí sửa chữa văn phòng	-	146.805.976
Chi phí thuê văn phòng	130.410.718	-
Chi phí ngắn hạn khác	13.372.909	-
Dài hạn	67.434.538.943	90.138.970.232
Tiền thuê đất (*)	66.440.709.749	88.809.210.119
Công cụ, dụng cụ xuất dùng và chi phí khác	498.767.027	1.329.760.113
Chi phí sửa chữa nhà xưởng	495.062.167	-
Tổng	67.578.322.570	90.811.567.111

(*) Tổng Công ty trả trước tiền thuê đất trả tiền một lần cho các thửa đất mà đơn vị đang quản lý và sử dụng tại Quyền sử dụng đất ở KCN Vĩnh Lộc, Hồ Chí Minh; Số 58 Lý Thái Tô, Hoàn Kiếm, Hà Nội; Kho Thương Tín, xã Liên Phương Hà Nội; Kho Cầu Tiên Giải Phóng Hà Nội.

**TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN -
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.9 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	<u>01/01/2021</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>31/12/2021</u>
Phải nộp	2.450.740.979	3.241.217.243	2.954.244.713	2.737.713.509
Thuế giá trị gia tăng	5.363.039	201.666.057	207.029.096	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	415.504.508	-	415.504.508
Thuế thu nhập cá nhân	210.609.557	588.705.935	711.874.874	87.440.618
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	2.031.340.743	2.031.340.743	-
Các loại thuế khác	2.234.768.383	-	-	2.234.768.383
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	4.000.000	4.000.000	-
	<u>01/01/2021</u>	<u>Số phải thu trong năm</u>	<u>Số đã thu trong năm</u>	<u>31/12/2021</u>
Phải thu	9.672.896	-	9.672.896	-
Thuế TNCN nộp thừa	9.672.896	-	9.672.896	-

TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN - CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.10 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	<i>Đơn vị tính: VND</i> Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2021	65.949.970.678	23.584.079.812	5.393.648.216	1.141.714.173	583.638.819	96.653.051.698
Tăng trong năm	-	2.304.068.182	-	-	-	2.304.068.182
Mua trong năm	-	1.001.000.000	-	-	-	1.001.000.000
Giảm trong năm	-	99.000.000	-	-	-	99.000.000
Thanh lý, nhượng bán	-	99.000.000	-	-	-	99.000.000
Số dư tại 31/12/2021	<u>65.949.970.678</u>	<u>25.789.147.994</u>	<u>5.393.648.216</u>	<u>1.141.714.173</u>	<u>583.638.819</u>	<u>98.858.119.880</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2021	48.923.840.023	12.636.596.118	4.675.696.666	702.395.461	152.741.158	67.091.269.426
Tăng trong năm	3.180.709.355	3.042.778.750	292.512.903	238.591.396	22.391.351	6.776.983.755
Khấu hao trong năm	3.180.709.355	3.042.778.750	292.512.903	238.591.396	22.391.351	6.776.983.755
Giảm trong năm	-	76.902.249	-	-	-	76.902.249
Số dư tại 31/12/2021	<u>52.104.549.378</u>	<u>15.602.472.619</u>	<u>4.968.209.569</u>	<u>940.986.857</u>	<u>175.132.509</u>	<u>73.791.350.932</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư tại 01/01/2021	<u>17.026.130.655</u>	<u>10.947.483.694</u>	<u>717.951.550</u>	<u>439.318.712</u>	<u>430.897.661</u>	<u>29.561.782.272</u>
Số dư tại 31/12/2021	<u>13.845.421.300</u>	<u>10.186.675.375</u>	<u>425.438.647</u>	<u>200.727.316</u>	<u>408.506.310</u>	<u>25.066.768.948</u>

Nguyên giá của Tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 1.418.141.125 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 693.073.782 đồng).

Tổng Công ty đã đánh giá lại giá trị Tài sản cố định đã hết khấu hao để cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, Tổng Công ty tính lại thời gian khấu hao từ thời điểm doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh chuyển thành Công ty Cổ phần.

**TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN -
CÔNG TY CỔ PHẦN**

số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.11 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Phần mềm máy tính	Quyền sử dụng đất	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2021	642.379.800	3.273.047.076	3.915.426.876
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2021	<u>642.379.800</u>	<u>3.273.047.076</u>	<u>3.915.426.876</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2021	642.379.800	1.120.682.452	1.763.062.252
Tăng trong năm	-	97.941.258	97.941.258
Khấu hao trong năm	-	97.941.258	97.941.258
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2021	<u>642.379.800</u>	<u>1.218.623.710</u>	<u>1.861.003.510</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư tại 01/01/2021	-	2.152.364.624	2.152.364.624
Số dư tại 31/12/2021	-	<u>2.054.423.366</u>	<u>2.054.423.366</u>

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 642.379.800 đồng (tại ngày 31/12/2020: 642.379.800 đồng).

5.12 Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Dự án số 2 Phạm Ngọc Thạch (*)	286.579.796.383	200.805.998.967
Dự án 58 Lý Thái Tổ	19.837.999.196	5.714.841.702
Dự án khác	8.038.015.428	1.430.368.301
Tổng	<u>314.455.811.007</u>	<u>207.951.208.970</u>

(*) Dự án xây dựng tòa nhà hỗn hợp gồm chung cư, văn phòng và kinh doanh dịch vụ thương mại, kinh doanh phát triển nhà ở, thương mại dịch vụ. Quy mô xây dựng: 5 tầng hầm, 24 tầng nổi và 01 tum. Khối đế thương mại dịch vụ từ tầng 1 đến tầng 5, khối tháp căn hộ từ tầng 5 đến tầng 24. Dự án khởi công vào cuối quý 1/2020, theo quyết định số 23/QĐ-HĐQT ngày 25/12/2021, do ảnh hưởng của Đại dịch Covid tiến độ của dự án được điều chỉnh dự kiến hoàn thành đưa vào khai thác từ quý II/2023 (kế hoạch ban đầu là quý II/2022). Tổng mức đầu tư của dự án bao gồm cả lãi vay là 996,906 tỷ đồng. Giá trị Quyền sử dụng đất dùng để thế chấp cho khoản vay là: 164.848.084.927 đồng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.13 Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn				
Công ty CP Đầu tư XD và TM Tín Phát	1.273.028.661.889	1.273.028.661.889	1.182.249.205.896	1.182.249.205.896
Công ty Cổ phần Nông nghiệp An Điền	-	-	177.603.736.430	177.603.736.430
Công ty Cổ phần Nông sản Cavi Việt Nam	-	-	298.127.367.900	298.127.367.900
Công ty Cổ phần Nông sản Bờ Biển Ngà	440.565.546.960	440.565.546.960	541.309.417.500	541.309.417.500
Đối tượng khác	787.079.443.322	787.079.443.322	-	-
Tổng	45.383.671.607	45.383.671.607	165.208.684.066	165.208.684.066
	1.273.028.661.889	1.273.028.661.889	1.182.249.205.896	1.182.249.205.896

5.14 Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	31/12/2021		Phát sinh trong năm		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - CN	-	-	-	129.440.000.000	129.440.000.000	129.440.000.000
Bình Dương	-	-	-	129.440.000.000	129.440.000.000	129.440.000.000
Vay dài hạn						
Ngân hàng Vietcombank (1)	115.797.848.376	115.797.848.376	75.909.621.422	1.000.000.000	40.888.226.954	40.888.226.954
Tổng	115.797.848.376	115.797.848.376	75.909.621.422	1.000.000.000	40.888.226.954	40.888.226.954
	115.797.848.376	115.797.848.376	75.909.621.422	130.440.000.000	170.328.226.954	170.328.226.954

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.14 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

- (1) Khoản vay Vietcombank - Chi nhánh Sở Giao dịch (Chi nhánh đầu mối), Vietcombank - CN Thăng Long, Vietcombank - CN Nam Hà Nội theo Hợp đồng vay số KH1-200166/HĐCVDAĐT/VEGETEXCO ngày 22/09/2020 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số SĐ01 - ĐCVDAĐT ngày 23/10/2020. Hạn mức tín dụng: 650.000.000.000 đồng. Mục đích tài trợ cho các nhu cầu tín dụng hợp pháp, hợp lý, hợp lệ liên quan đến việc đầu tư thực hiện dự án Tòa nhà hỗn hợp số 02 Phạm Ngọc Thạch, thời gian vay tối đa 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân/cấp tín dụng đầu tiên, lãi suất được quy định trong từng giấy đề nghị giải ngân kèm hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Tài sản đảm bảo cầm cố thế chấp là:
- Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 200166/KH1/HĐTC/QSDD/VEGETEXCO ngày 22/9/2020. Tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất của Tổng Công ty tại thửa đất tại số 02 Phạm Ngọc Thạch, P. Kim Liên, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội; các tài sản gắn liền với đất. Giá trị quyền sử dụng đất thế chấp là: 160.449.000.000 đồng.
 - Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 01-2020/MMTB/VEG ngày 22/09/2020. Tài sản bảo đảm là toàn bộ máy móc thiết bị và các động sản khác hình thành trong tương lai thuộc dự án "Tòa nhà hỗn hợp số 02 Phạm Ngọc Thạch" thuộc sở hữu của Tổng Công ty. Giá trị máy móc thiết bị thế chấp là: 101.637.000.000 đồng.
 - Hợp đồng thế chấp Quyền tài sản hình thành từ dự án số 01-2020/QTS/VEG ngày 22/09/2020. Tài sản bảo đảm là tất cả các quyền tài sản hình thành từ dự án "Tòa nhà hỗn hợp số 02 Phạm Ngọc Thạch", bao gồm nhưng không giới hạn bởi quyền thu tiền bán các căn hộ chung cư của Dự án, quyền thu tiền từ cho thuê diện tích sàn kinh doanh dịch vụ thương mại và các dịch vụ khác, quyền thụ hưởng các hợp đồng bảo hiểm và quyền thu tiền đối với các khoản lợi thu được từ kinh doanh khai thác dự án. Giá trị tài sản đảm bảo là: 01 đồng.

**TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN -
CÔNG TY CỔ PHẦN**Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.15 Người mua trả tiền trước

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	26.402.991.910	481.316.580
Công ty WILSON	100.000.000	-
Công ty CP Nông nghiệp Việt Phi	26.000.000.000	-
Đối tượng khác	302.991.910	481.316.580
Tổng	26.402.991.910	481.316.580

5.16 Chi phí phải trả

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	9.016.113.338	1.427.346.598
Chi phí lãi vay phải trả	8.597.845.104	192.378.082
Chi phí mua hàng	347.971.000	417.409.760
Chi phí khác	70.297.234	817.558.756
Tổng	9.016.113.338	1.427.346.598

5.17 Phải trả khác

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	240.103.381	694.075.730
Kinh phí công đoàn	62.601.520	71.009.240
Bảo hiểm xã hội;	2.301.835	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	100.000.000
Các khoản phải trả khác	175.200.026	523.066.490
Dài hạn	324.522.190.175	426.791.318.317
Ông Chu Văn Dũng (1)	24.146.907.346	22.135.364.486
Ông Nguyễn Toàn Thắng (2)	24.099.599.247	21.702.918.150
Ông Nguyễn Hồng Quang (3)	269.294.802.055	240.850.000.000
Công ty CP Tân Mai (4)	1.992.382.862	5.757.878.863
Công ty CP Đầu tư Hoàn Kiếm (4)	-	16.732.451.122
Công ty CP và TM đầu tư TIC Hà Nội (4)	4.609.710.516	16.169.566.134
Công ty Bao bì và Xuất Nhập Khẩu (4)	281.966.999	23.578.300.814
Công ty CP Đầu tư và TM Tín Phát (4)	-	43.095.727.440
Công ty TNHH XNK Nông lâm Thái Nguyên (4)	-	26.344.062.763
Công ty CP Càng Rau quả (4)	-	10.110.435.145
Cổ tức năm 2016	35.132.900	50.323.400
Cổ tức năm 2017	61.688.250	264.290.000
Tổng	324.762.293.556	427.485.394.047

- (1) Khoản phải trả dài hạn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2302/2018/HTKD/TDT-VEG giữa Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - CTCP và Ông Chu Văn Dũng ngày 23 tháng 02 năm 2018. Theo đó, ông Chu Văn Dũng góp toàn bộ giá trị hợp đồng, khoản góp sẽ giao cho Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ phần có toàn quyền quản lý, sử dụng vốn góp để thực hiện các công việc trong các phương án đầu tư.

**TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN -
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.17 Phải trả khác (Tiếp theo)

- (2) Khoản phải trả dài hạn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2802/2018/HTKD/TR-NTT giữa Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - CTCP và Ông Nguyễn Toàn Thắng ngày 28 tháng 02 năm 2018. Theo đó, ông Nguyễn Toàn Thắng góp toàn bộ giá trị hợp đồng, khoản góp sẽ giao cho Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ phần có toàn quyền quản lý, sử dụng vốn góp để thực hiện các công việc trong các phương án đầu tư.
- (3) Khoản phải trả theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0311/2020/HTKD/NHQ-VEG ngày 03/11/2020 và Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0312/2020/HTKD/NHQ-VEG ngày 03/12/2020 giữa Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - CTCP và ông Nguyễn Hồng Quang. Theo đó, Ông Nguyễn Hồng Quang góp toàn bộ, khoản vốn góp sẽ giao cho Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty cổ phần quản lý, có toàn quyền quản lý, sử dụng vốn góp để thực hiện các công việc trong các phương án đầu tư.
- (4) Khoản phải trả lãi chậm trả tiền hàng theo các hợp đồng mua hàng với lãi suất 10,5%/năm trên số dư nợ thực tế chưa thanh toán.

5.18 Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2020	713.000.000.000	-	37.494.931.040	750.494.931.040
Tăng trong năm	-	-	28.686.631.583	28.686.631.583
Lãi trong năm	-	-	28.686.631.583	28.686.631.583
Số dư tại 31/12/2020	713.000.000.000	-	66.181.562.623	779.181.562.623
Số dư tại 01/01/2021	713.000.000.000	-	66.181.562.623	779.181.562.623
Tăng trong năm nay	709.939.000.000	1.063.991.250.000	29.654.285.664	1.803.584.535.664
Tăng vốn (*)	709.939.000.000	1.063.991.250.000	-	1.773.930.250.000
Lãi trong năm nay	-	-	29.654.285.664	29.654.285.664
Số dư tại 31/12/2021	1.422.939.000.000	1.063.991.250.000	95.835.848.287	2.582.766.098.287

- (*) Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021 số 01/BB-ĐHCĐ ngày 08/01/2021 của Đại hội đồng cổ đông, trong năm Tổng Công ty đã thực hiện chào bán thành công 70.993.900 cổ phần cho cổ đông hiện hữu với giá trị 1.774.847.500.000 đồng.

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Công ty CP Tập đoàn T&T	574.016.180.000	249.550.000.000
Tổng Công ty CP Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội	213.900.000.000	106.950.000.000
Công ty TNHH Nông nghiệp T&T	349.370.000.000	158.024.090.000
Tổng Công ty CP Bảo hiểm hàng không Việt Nam	108.238.000.000	71.300.000.000
Công ty CP Cảng Quảng Ninh	174.353.820.000	87.176.910.000
Cổ đông khác	3.061.000.000	39.999.000.000
Tổng	1.422.939.000.000	713.000.000.000

**TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN -
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.18 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	713.000.000.000	713.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	709.939.000.000	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	1.422.939.000.000	713.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	31/12/2021 Cổ phiếu	01/01/2021 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	142.293.900	71.300.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	142.293.900	71.300.000
Cổ phiếu phổ thông	142.293.900	71.300.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	142.293.900	71.300.000
Cổ phiếu phổ thông	142.293.900	71.300.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu bán hàng hóa	2.710.008.119.290	3.909.216.234.289
Tổng	2.710.008.119.290	3.909.216.234.289

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Giá vốn bán hàng hóa	2.668.784.347.671	3.894.669.464.850
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (724.943.091)	-	-
Tổng	2.668.059.404.580	3.894.669.464.850

**TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN -
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6.6 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thu nhập khác		
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	40.000.000	-
Chi phí khấu hao hàng DTQG được hỗ trợ từ NSNN	-	1.570.459.485
Thu từ tiền đặt cọc của khách hàng	-	500.000.000
Thu nhập khác	42.554.629	532.551.575
Tổng	82.554.629	2.603.011.060
Chi phí khác		
Giá trị còn lại TSCĐ ghi giảm	-	9.794.941.139
Chi phí khấu hao tài sản không phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	457.504.381	-
Các khoản bị phạt	90.000.000	705.427.946
Chi phí khác	58.013.531	757.819.140
Tổng	605.517.912	11.258.188.225
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	(522.963.283)	(8.655.177.165)

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lợi nhuận trước thuế	30.069.790.172	28.686.631.583
Các khoản tăng thu nhập chịu thuế	4.908.627.011	
Chi phí không được trừ	4.908.627.011	
Thu nhập chịu thuế		
Cổ tức nhận được	32.900.894.642	35.990.238.385
Thu nhập tính thuế	2.077.522.541	(7.303.606.802)
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	415.504.508	-
Tổng	415.504.508	-

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	29.654.285.664	28.686.631.583
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	29.654.285.664	28.686.631.583
Cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu)	142.293.900	71.300.000
Cổ phiếu quỹ (cổ phiếu)	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	104.365.652	71.300.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	284	402

**TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN -
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	279.419.581	973.420.588
Chi phí nhân công	19.361.392.732	9.842.580.221
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.238.086.338	1.500.125.928
Chi phí dự phòng	34.727.475.492	18.440.125.061
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.540.847.243	11.204.796.776
Chi phí khác bằng tiền	12.817.633.367	2.750.363.252
Tổng	76.964.854.753	44.711.411.826

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Các khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác

Các tài sản tiềm tàng

Theo biên bản làm việc Ngày 15/12/2020 giữa Cục thuế Thành phố Hà Nội và Tổng Công ty Rau quả, Nông sản – Công ty Cổ phần, Tổng Công ty được điều chỉnh giảm số thuế TNDN truy thu qua kiểm tra và số tiền chậm nộp tương ứng do xác định lại chi phí lãi vay được trừ theo quy định tại Điều 1 Nghị định 68/2020/NĐ-CP ngày 24/6/2020, Số thuế TNDN truy thu điều chỉnh giảm: 11.852.996.275 đồng, tiền chậm nộp điều chỉnh giảm tương ứng: 1.891.738.205 đồng. Toàn bộ số thuế điều chỉnh giảm này Tổng Công ty được bù trừ vào thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong các năm tiếp theo nhưng tối đa không quá 05 năm kể từ năm 2020. Tổng Công ty không ghi nhận tài sản thuế hoãn lại cho khoản thuế thu nhập doanh nghiệp được bù trừ cho các năm tài chính tiếp theo (tối đa không quá 5 năm kể từ năm 2020 do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này).

7.2 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 27/NQ-HĐQT ngày 29/12/2020, Tổng Công ty thoái toàn bộ vốn góp tại Công ty CP Xuất nhập khẩu nông lâm sản chế biến, Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, Tổng Công ty chưa thoái vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nông lâm sản Chế biến theo Thuyết minh tại Mục 5.2 - Các khoản đầu tư tài chính.

Ngoài các sự kiện trên, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

**TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN -
CÔNG TY CỔ PHẦN**Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7.3 Thông tin về các bên liên quan

Trong năm, Tổng Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Hội đồng Quản trị		Thù lao	775.555.555	1.077.999.127
Mai Xuân Sơn	Chủ tịch HĐQT	Thù lao, thưởng	251.111.111	160.000.000
Vũ Đức Trung	Thành viên HĐQT	Thù lao, thưởng	131.111.111	150.000.000
Lưu Nguyễn Chí Nhân	Thành viên HĐQT	Thù lao, thưởng	131.111.111	80.000.000
Nguyễn Việt Cường	Thành viên HĐQT	Thù lao, thưởng	142.222.222	80.000.000
Lê Anh Dũng	Thành viên HĐQT kiêm TGD	Thù lao, thưởng	120.000.000	60.000.000
Phạm Duy Hùng	Thành viên HĐQT	Thù lao, thưởng	-	547.999.127
Ban kiểm soát Ban Giám đốc		Thù lao Lương	240.000.000 677.777.778	240.000.000 1.227.547.806
Lê Anh Dũng	Thành viên HĐQT kiêm TGD	Lương	677.777.778	313.333.333
Nguyễn Thanh Bình	Tổng giám đốc (miễn nhiệm ngày 05/05/2020)	Lương	-	914.214.473
Tổng			1.693.333.333	2.545.546.933

**TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN -
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7.3 Thông tin về các bên liên quan

b. Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
Cho vay			-	280.575.370.473
Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T	Cổ đông lớn	Các khoản phải thu cho vay, hợp tác kinh doanh	-	280.575.370.473
Cổ tức được chia			30.871.838.871	2.130.919.633
Công ty Cổ phần Thực phẩm XNK Tân Bình	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	-	2.130.919.633
Công ty TNHH Liên doanh Crown Hà Nội	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	22.850.354.670	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	3.858.370.201	-
Công ty Donane Tower	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	4.163.114.000	-

c. Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
Phải thu khác ngắn hạn			-	45.506.954.916
Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T	Cổ đông lớn	Hợp tác kinh doanh	-	506.954.916
Lưu Nguyễn Chí Nhân	Thành viên HĐQT	Hợp tác kinh doanh	-	45.000.000.000

7.4 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Hà Nội ngày 30 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thu Hương

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Linh

Tổng Giám đốc



Lê Anh Dũng